

Số: 399/QĐ-CDYD

Phú Thọ, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo
ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ liên thông chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC PHÚ THỌ

Căn cứ Quyết định số 5616/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-LĐTĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ thành Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ;

Căn cứ Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng ngày 10 tháng 5 năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và công tác học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ liên thông chính quy, 02 đối tượng:

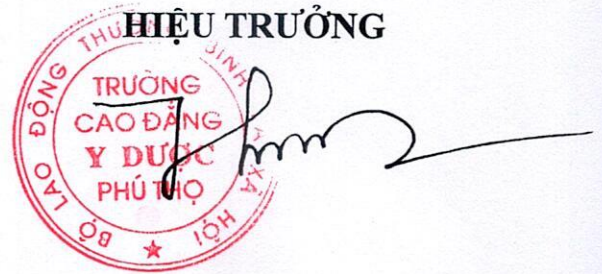
- Tốt nghiệp trình độ trung cấp ngành Điều dưỡng.
- Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai.

Điều 2. Chương trình này được áp dụng vào đào tạo từ khoá tuyển sinh năm 2024.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các khoa, phòng, bộ môn, trung tâm và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: TH, ĐT.



Ths Hà Thanh Hoà



TRANG 3/3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số : 399A/QĐ-CDYD ngày 15 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ)

Tên ngành: ĐIỀU DƯỠNG

Mã ngành: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Liên thông chính quy/phương thức tích lũy tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trình độ trung cấp ngành Điều dưỡng

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Điều dưỡng trình độ cao đẳng là ngành nghề về chăm sóc sức khỏe người bệnh, có nhiệm vụ chăm sóc và đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người bệnh cả về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Điều dưỡng là người đảm nhận việc chăm sóc, kiểm tra tình trạng sức khỏe của người bệnh; trực tiếp theo dõi và hỗ trợ cho bệnh nhân trong suốt quá trình trị liệu. Phạm vi công việc của điều dưỡng khác nhau tùy theo các cơ sở y tế, vị trí việc làm. Tuy nhiên, công việc chủ yếu chung nhất của nghề điều dưỡng là: điều dưỡng tiếp đón, điều dưỡng hành chính, điều dưỡng chăm sóc, điều dưỡng phục hồi chức năng, điều dưỡng dinh dưỡng, điều dưỡng cộng đồng.

Để hành nghề, người điều dưỡng phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;

- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;

- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;

- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;

- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Số lượng môn học: 28 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 50 tín chỉ, 1320 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn chuyên ngành: 50 tín chỉ (1320 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 371 giờ; Thực hành thí nghiệm: 915 giờ; Kiểm tra: 34 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Giao tiếp được bằng tiếng Anh ở cấp độ cơ bản
2	NLCB-02	Đọc, hiểu từ tiếng Anh cơ bản thuộc chuyên ngành xét nghiệm
3	NLCB-03	Áp dụng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc
4	NLCB-04	Giao tiếp hiệu quả với người sử dụng dịch vụ xét nghiệm, đồng nghiệp, cấp trên
5	NLCB-05	Làm việc hiệu quả trong nhóm
6	NLCB-06	Học tập nâng cao trình độ
7	NLCB-07	Chịu áp lực trong công việc và môi trường làm việc
8	NLCB-08	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày
9	NLCB-09	Rèn luyện thể chất
10	NLCB-10	Tư duy logic, phân tích, tổng hợp, thống kê
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Vận dụng các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc và công tác chăm sóc CS người bệnh an toàn và hiệu quả và giảm thiểu rủi ro trong cấp cứu.

2	NLCL-02	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc của người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng.
3	NLCL-03	Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp giao tiếp, giáo dục sức khỏe để cung cấp thông tin, tư vấn cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.
4	NLCL-04	Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng ngành điều dưỡng trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.
5	NLCL-05	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật chuyên khoa và kỹ thuật cấp cứu ban đầu.
6	NLCL-06	Sử dụng và quản lý vận hành các trang thiết bị đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động
7	NLCL-07	Áp dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe người bệnh theo các chuyên khoa: nội, ngoại, sản, nhi.
8	NLCL-08	Vận dụng các kiến thức về dịch tễ, môi trường và hành vi sức khỏe để nhận định, chăm sóc sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.
9	NLCL-09	Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học.
10	NLCL-10	Vận dụng kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo hộ lao động để thiết lập môi trường làm việc an toàn.
11	NLCL-11	Lập kế hoạch tìm kiếm việc làm.
12		CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN - ĐIỀU DƯỠNG PHÒNG KHÁM
13	NLCL-12	Đón tiếp, làm thủ tục cho NB đến khám
14	NLCL-13	Phổ biến nội quy, quy định của BV
15	NLCL-14	Phân loại NB, xác định các TH ưu tiên
16	NLCL-15	Hướng dẫn và giải đáp cho NB các thủ tục khám chữa bệnh
17	NLCL-16	Hướng dẫn thủ tục hành chính cho BN vào viện điều trị nội trú
18	NLCL-17	Hướng dẫn tái khám và sử dụng thuốc.
19	NLCL-18	Quản lý tài sản liên quan đến phòng tiếp đón
20		CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN - ĐIỀU DƯỠNG CHĂM SÓC
21	NLCL-19	Tiếp nhận người bệnh khám, nhập viện, chuyển viện, ra viện, chuyển khoa
22	NLCL-20	Nhận định, lập kế hoạch, thực hiện và lượng giá tình trạng người bệnh
23	NLCL-21	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp Bác sĩ khám bệnh
24	NLCL-22	Thực hiện một số kỹ thuật điều dưỡng, kỹ thuật chuyên khoa cơ bản đảm bảo an toàn trên người bệnh

25	NLCL-23	Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ và phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật.
26	NLCL-24	Theo dõi, đánh giá người bệnh. Phát hiện, xử trí và phối hợp cấp cứu người bệnh.
27	NLCL-25	Chuẩn bị người bệnh trước và chăm sóc người bệnh sau mổ
28	NLCL-26	Hỗ trợ phục hồi chức năng cho người bệnh
29	NLCL-27	Kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng chống nhiễm khuẩn tại khoa phòng.
30	NLCL-28	Quản lý thuốc và đảm bảo dùng thuốc an toàn cho người bệnh
31	NLCL-29	Tư vấn - Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
32	NLCL-30	Nhận định nhu cầu dinh dưỡng và thực hiện các chỉ định dinh dưỡng cho người bệnh
33	NLCL-31	Quản lý tài sản, một số trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao
34	NLCL-32	Tham gia chăm sóc giảm nhẹ, hỗ trợ tâm lý cho NB ở giai đoạn cuối
35	NLCL-33	Tham gia thường trực theo quy định
36	NLCL-34	Tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học và cập nhật kiến thức chuyên ngành.
37		3. CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN - ĐIỀU DƯỠNG CỘNG ĐỒNG
38	NLCL-35	Tiếp nhận cá nhân gia đình và mọi người sống tại cộng đồng
39	NLCL-36	Xác định nhu cầu SKCD, lựa chọn ưu tiên để đề xuất biện pháp giải pháp
40	NLCL-37	Nhận định tình trạng sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng
41	NLCL-38	Lập kế hoạch điều dưỡng cá nhân, gia đình và cộng đồng
42	NLCL-39	Xử lý tốt sơ cứu, cấp cứu, thảm họa tại cộng đồng
43	NLCL-40	Tham gia chăm sóc, thực hiện dự phòng cấp I,II,III thực hiện tại địa phương
44	NLCL-41	Tư vấn GDSK, tham gia hướng dẫn về sức khỏe cộng đồng
45	NLCL-42	Tham gia huy động cộng đồng vào CSSK, nâng cao sức khỏe
46	NLCL-43	Có khả năng làm việc nhóm y tế, các hoạt động liên ngành
47	NLCL-45	Tham gia lập kế hoạch hành động, tiến hành, giám sát lượng giá
48	NLCL-46	Tham gia mạng lưới đào tạo học sinh, sinh viên điều dưỡng ngành y
III	Năng lực nâng cao	

1	NLNC-01	Tham gia các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học phù hợp với năng lực khi được yêu cầu
2	NLNC-02	Sử dụng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp
3	NLNC-03	Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế

6. Nội dung chương trình

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung		2	30	14	14	2
1	MHC201	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	30	14	14	2
II	Các môn học chuyên môn ngành		48	1290	357	901	32
II.1	Các môn học cơ sở		11	165	146	8	11
1	MHĐ201	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	28	0	2
2	MHĐ202	Sinh học và di truyền	2	30	28	0	2
3	MHĐ203	Hoá sinh	2	30	28	0	2
4	MHĐ204	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	30	28	0	2
5	MHĐ205	Dược lý	1	15	14	0	1
6	MHĐ206	Điều dưỡng cơ sở	2	30	20	8	2
II.2	Các môn học chuyên môn		37	1125	211	893	21
1	MHĐ207	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2
2	MHĐ208	Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	1	15	14	0	1
3	MHĐ209	Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa	2	45	14	29	2
4	MHĐ210	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	45	14	29	2

5	MHĐ211	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	2	45	14	29	2
6	MHĐ212	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	45	14	29	2
7	MHĐ213	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	45	14	29	2
8	MHĐ214	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	15	14	0	1
9	MHĐ215	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	2	30	28	0	2
11	MHĐ216	Y học cổ truyền - phục hồi chức năng	3	60	29	28	3
12	MHĐ217	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	15	14	0	1
13	MHĐ218	Quản lý điều dưỡng	1	15	14	0	1
14	MHĐ219	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn Nội khoa	2	90	0	90	
15	MHĐ220	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn Ngoại khoa	2	90	0	90	
16	MHĐ221	Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em	1	45	0	45	
17	MHĐ222	Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	90	0	90	
18	MHĐ223	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	90	
		Tự chọn	2	90	0	90	
19	MHĐ224	Thực tập chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	2	90	0	90	
20	MHĐ225	Thực tập chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	90	0	90	
		Tự chọn					
21	MHĐ226	Chuyên đề tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	5	225		225	
TỔNG			50	1320	371	915	34

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động – Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành áp dụng thực hiện. Hiện nay các môn học chung thực hiện theo:

- Thông tư số: 10/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Hàng năm căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng nghề, nhà trường sẽ xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm
2	Văn hóa, văn nghệ	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm - Ngoài giờ hàng ngày
3	Hoạt động thư viện	Ngoài giờ, học sinh sinh viên có thể đến thư viện các ngày trong tuần đọc sách và tham khảo tài liệu.
4	Vui chơi giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên, học sinh sinh viên tổ chức các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt.
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi năm 1 lần

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức

đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ.

Quyết định số 365/QĐ-CDYD ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ.

Cụ thể như sau

- **Hình thức thi:** Hình thức thi gồm có thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận); vấn đáp, viết tiểu luận; làm bài tập lớn. Được qui định trong chương trình môn học và kế hoạch đào tạo của Trường.

- **Thời gian tổ chức thi:**

+ Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ;

+ Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

7.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ.

Quyết định số 365/QĐ-CDYD ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ.

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số môn học, và tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo cao đẳng ngành Điều dưỡng.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

+ Danh hiệu người học trình độ cao đẳng đạt được: Cử nhân thực hành.

7.5. Các chú ý khác

Người học được phép liên thông lên các bậc học cao hơn nếu đáp ứng đủ các tiêu chí trong quy chế tuyển sinh hiện hành đề ra.

HIỆU TRƯỞNG 

ThS. Hà Thanh Hoà





CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số : 399/QĐ-CDYD ngày 15 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ)

Tên ngành: ĐIỀU DƯỠNG

Mã ngành: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/phương thức tích lũy tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai

Thời gian đào tạo: 2 – 2,5 năm

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Điều dưỡng trình độ cao đẳng là ngành nghề về chăm sóc sức khỏe người bệnh, có nhiệm vụ chăm sóc và đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người bệnh cả về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Điều dưỡng là người đảm nhận việc chăm sóc, kiểm tra tình trạng sức khỏe của người bệnh; trực tiếp theo dõi và hỗ trợ cho bệnh nhân trong suốt quá trình trị liệu. Phạm vi công việc của điều dưỡng khác nhau tùy theo các cơ sở y tế, vị trí việc làm. Tuy nhiên, công việc chủ yếu chung nhất của nghề điều dưỡng là: điều dưỡng tiếp đón, điều dưỡng hành chính, điều dưỡng chăm sóc, điều dưỡng phục hồi chức năng, điều dưỡng dinh dưỡng, điều dưỡng cộng đồng.

Để hành nghề, người điều dưỡng phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng

cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;

- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;

- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;

- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Số lượng môn học: 33 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 79 tín chỉ, 2085 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn cơ sở: 28 tín chỉ (480 giờ)
- Khối lượng các môn học chuyên môn chuyên ngành: 51 tín chỉ (1605 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 620 giờ; Thực hành thí nghiệm: 1411 giờ; Kiểm tra: 54 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Giao tiếp được bằng tiếng Anh ở cấp độ cơ bản
2	NLCB-02	Đọc, hiểu từ tiếng Anh cơ bản thuộc chuyên ngành xét nghiệm
3	NLCB-03	Áp dụng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc
4	NLCB-04	Giao tiếp hiệu quả với người sử dụng dịch vụ xét nghiệm, đồng nghiệp, cấp trên
5	NLCB-05	Làm việc hiệu quả trong nhóm
6	NLCB-06	Học tập nâng cao trình độ

7	NLCB-07	Chịu áp lực trong công việc và môi trường làm việc
8	NLCB-08	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày
9	NLCB-09	Rèn luyện thể chất
10	NLCB-10	Tư duy logic, phân tích, tổng hợp, thống kê
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Vận dụng các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc và công tác chăm sóc CS người bệnh an toàn và hiệu quả và giảm thiểu rủi ro trong cấp cứu.
2	NLCL-02	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc của người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng.
3	NLCL-03	Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp giao tiếp, giáo dục sức khỏe để cung cấp thông tin, tư vấn cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.
4	NLCL-04	Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng ngành điều dưỡng trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.
5	NLCL-05	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật chuyên khoa và kỹ thuật cấp cứu ban đầu.
6	NLCL-06	Sử dụng và quản lý vận hành các trang thiết bị đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động
7	NLCL-07	Áp dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe người bệnh theo các chuyên khoa: nội, ngoại, sản, nhi.
8	NLCL-08	Vận dụng các kiến thức về dịch tễ, môi trường và hành vi sức khỏe để nhận định, chăm sóc sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.
9	NLCL-09	Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học.
10	NLCL-10	Vận dụng kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo hộ lao động để thiết lập môi trường làm việc an toàn.
11	NLCL-11	Lập kế hoạch tìm kiếm việc làm.
12		CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN - ĐIỀU DƯỠNG PHÒNG KHÁM
13	NLCL-12	Đón tiếp, làm thủ tục cho NB đến khám
14	NLCL-13	Phổ biến nội quy, quy định của BV
15	NLCL-14	Phân loại NB, xác định các TH ưu tiên
16	NLCL-15	Hướng dẫn và giải đáp cho NB các thủ tục khám chữa bệnh
17	NLCL-16	Hướng dẫn thủ tục hành chính cho BN vào viện điều trị nội trú

18	NLCL-17	Hướng dẫn tái khám và sử dụng thuốc.
19	NLCL-18	Quản lý tài sản liên quan đến phòng tiếp đón
20		CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN - ĐIỀU DƯỠNG CHĂM SÓC
21	NLCL-19	Tiếp nhận người bệnh khám, nhập viện, chuyển viện, ra viện, chuyển khoa
22	NLCL-20	Nhận định, lập kế hoạch, thực hiện và lượng giá tình trạng người bệnh
23	NLCL-21	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp Bác sĩ khám bệnh
24	NLCL-22	Thực hiện một số kỹ thuật điều dưỡng, kỹ thuật chuyên khoa cơ bản đảm bảo an toàn trên người bệnh
25	NLCL-23	Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ và phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật.
26	NLCL-24	Theo dõi, đánh giá người bệnh. Phát hiện, xử trí và phối hợp cấp cứu người bệnh.
27	NLCL-25	Chuẩn bị người bệnh trước và chăm sóc người bệnh sau mổ
28	NLCL-26	Hỗ trợ phục hồi chức năng cho người bệnh
29	NLCL-27	Kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng chống nhiễm khuẩn tại khoa phòng.
30	NLCL-28	Quản lý thuốc và đảm bảo dùng thuốc an toàn cho người bệnh
31	NLCL-29	Tư vấn - Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
32	NLCL-30	Nhận định nhu cầu dinh dưỡng và thực hiện các chỉ định dinh dưỡng cho người bệnh
33	NLCL-31	Quản lý tài sản, một số trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao
34	NLCL-32	Tham gia chăm sóc giảm nhẹ, hỗ trợ tâm lý cho NB ở giai đoạn cuối
35	NLCL-33	Tham gia thường trực theo quy định
36	NLCL-34	Tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học và cập nhật kiến thức chuyên ngành.
37		3. CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN - ĐIỀU DƯỠNG CỘNG ĐỒNG
38	NLCL-35	Tiếp nhận cá nhân gia đình và mọi người sống tại cộng đồng
39	NLCL-36	Xác định nhu cầu SKCĐ, lựa chọn ưu tiên để đề xuất biện pháp giải pháp
40	NLCL-37	Nhận định tình trạng sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng
41	NLCL-38	Lập kế hoạch điều dưỡng cá nhân, gia đình và cộng đồng
42	NLCL-39	Xử lý tốt sơ cứu, cấp cứu, thảm họa tại cộng đồng

43	NLCL-40	Tham gia chăm sóc, thực hiện dự phòng cấp I,II,III thực hiện tại địa phương
44	NLCL-41	Tư vấn GDSK, tham gia hướng dẫn về sức khỏe cộng đồng
45	NLCL-42	Tham gia huy động cộng đồng vào CSSK, nâng cao sức khỏe
46	NLCL-43	Có khả năng làm việc nhóm y tế, các hoạt động liên ngành
47	NLCL-45	Tham gia lập kế hoạch hành động, tiến hành, giám sát lượng giá
48	NLCL-46	Tham gia mạng lưới đào tạo học sinh, sinh viên điều dưỡng ngành y
III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	Tham gia các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học phù hợp với năng lực khi được yêu cầu
2	NLNC-02	Sử dụng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp
3	NLNC-03	Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế

6. Nội dung chương trình

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	Các môn học chuyên môn ngành nghề		79	2085	620	1411	54
I	Các môn học cơ sở		28	480	335	117	28
1	MHĐ201	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	28	0	2
2	MHĐ202	Sinh học và di truyền	2	30	28	0	2
3	MHĐ203	Hoá sinh	2	30	28	0	2
4	MHĐ204	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	29	2
5	MHĐ205	Giải phẫu - sinh lý	3	60	29	28	3
6	MHĐ206	Y đức - tổ chức y tế	2	30	28	0	2
7	MHĐ207	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	30	28	0	2
8	MHĐ208	Dược lý	3	45	38	4	3

9	MHĐ209	Điều dưỡng cơ sở 1	3	60	29	28	3
10	MHĐ210	Điều dưỡng cơ sở 2	3	60	29	28	3
11	MHĐ211	Giao tiếp GD sức khỏe và TH điều dưỡng	2	30	28	0	2
12	MHĐ213	Sức khỏe môi trường - dinh dưỡng	2	30	28	0	2
II	Các môn học chuyên môn		51	1605	285	1294	26
1	MHĐ214	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2
2	MHĐ215	Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30	28	0	2
3	MHĐ216	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	3	60	29	28	3
4	MHĐ217	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	45	14	29	2
5	MHĐ218	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	3	60	29	28	3
6	MHĐ219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	60	29	28	3
7	MHĐ220	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	60	29	28	3
8	MHĐ221	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	15	14	0	1
9	MHĐ222	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	2	30	28	0	2
11	MHĐ224	Y học cổ truyền - phục hồi chức năng	3	60	29	28	3
12	MHĐ225	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	15	14	0	1
13	MHĐ226	Quản lý điều dưỡng	1	15	14	0	1
14	MHĐ227	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn Nội khoa	3	135	0	135	
15	MHĐ228	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn Ngoại khoa	3	135	0	135	
16	MHĐ229	Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	135	0	135	
17	MHĐ230	Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	135	0	135	
18	MHĐ231	Thực tập tốt nghiệp	6	270		270	

		Tự chọn	2	90	0	90	
19	MHD232	Thực tập chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	2	90	0	90	
20	MHD233	Thực tập chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	90	0	90	
		Tự chọn					
21	MHD234	Chuyên đề tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	5	225		225	
		TỔNG	79	2085	620	1411	54

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động – Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành áp dụng thực hiện.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Hàng năm căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng nghề, nhà trường sẽ xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm
2	Văn hóa, văn nghệ	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm - Ngoài giờ hàng ngày
3	Hoạt động thư viện	Ngoài giờ, học sinh sinh viên có thể đến thư viện các ngày trong tuần đọc sách và tham khảo tài liệu.
4	Vui chơi giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên, học sinh sinh viên tổ chức các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt.
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi năm 1 lần

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ.

Quyết định số 365/QĐ-CDYD ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ.

Cụ thể như sau

- **Hình thức thi:** Hình thức thi gồm có thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận); vấn đáp, viết tiểu luận; làm bài tập lớn. Được qui định trong chương trình môn học và kế hoạch đào tạo của Trường.

- **Thời gian tổ chức thi:**

+ Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ;

+ Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

7.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ.

Quyết định số 365/QĐ-CDYD ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ.

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số môn học, và tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo cao đẳng ngành Điều dưỡng.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

+ Danh hiệu người học trình độ cao đẳng đạt được: Cử nhân thực hành.

7.5. Các chú ý khác

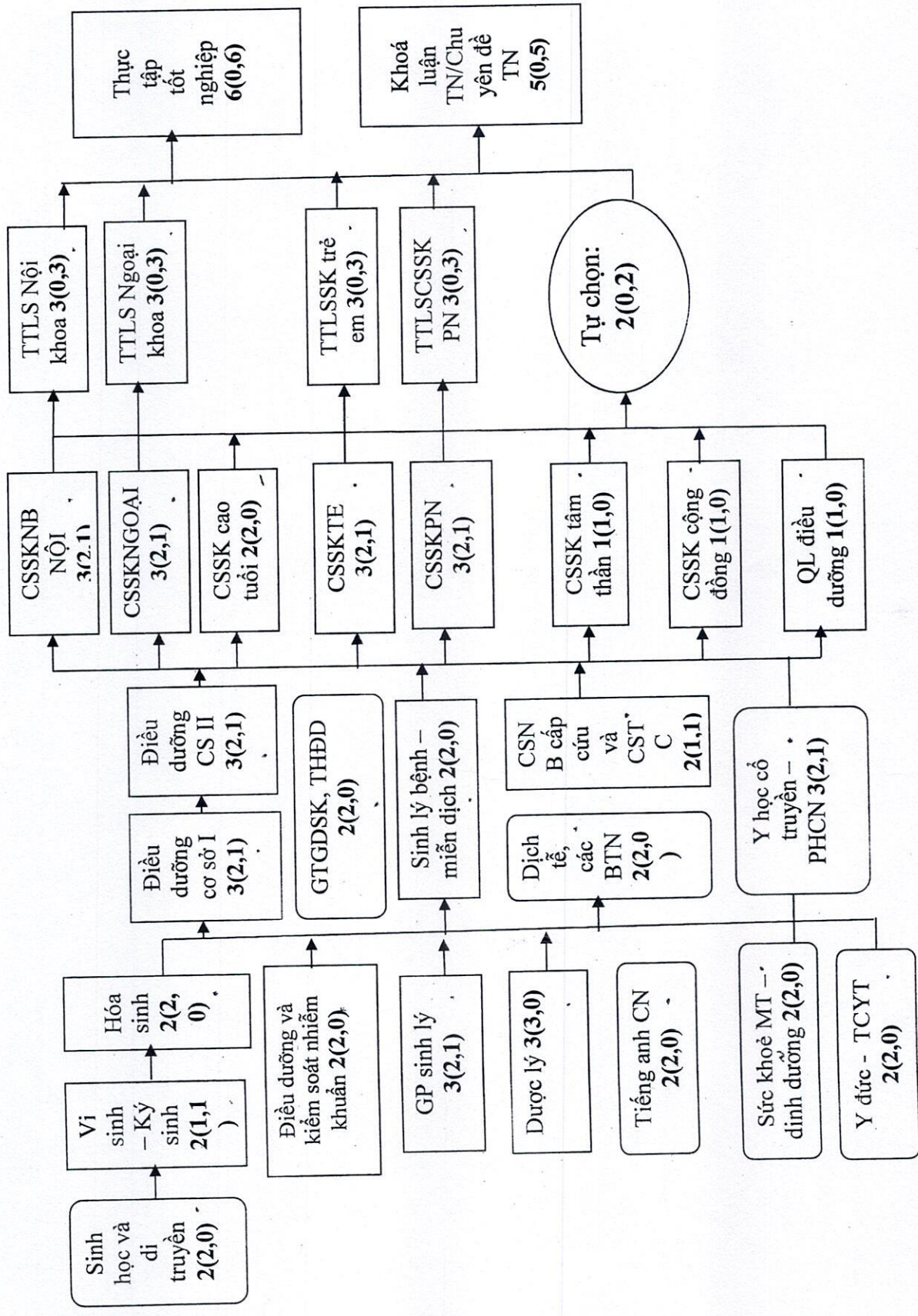
Người học được phép liên thông lên các bậc học cao hơn nếu đáp ứng đủ các tiêu chí trong quy chế tuyển sinh hiện hành đề ra.



HIỆU TRƯỞNG

ThS. Hà Thanh Hoà

Tên ngành: Điều dưỡng cao đẳng liên thông ngang - 2024
 Mã ngành: 6720301



HK I: 20 TC HK II: 17 TC HK III: 17 TC HK IV: 14 TC HK V: 11 TC

